

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2024/HNGĐ – ST**

Ngày: 30/7/2024

V/v: *Ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Y Nik Ê Ban.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 84/2024/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 20/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn 9, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1982. Nơi cư trú cuối cùng: Thôn 9, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/8/2015. Trong quá trình chung sống do cả hai bất đồng quan điểm sống, ông Tại không chịu khó làm ăn, chăm lo cho gia

đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Đến tháng 02/2016 mâu thuẫn trầm trọng, ông T đã bỏ đi khỏi đi địa phương từ đó cho đến nay.

Bà C đã làm đơn yêu cầu tuyên bố ông T mất tích, đã được Toà án thụ lý giải quyết bằng Quyết định giải quyết việc dân sự số 18/2022/QĐST ngày 23/12/2022 tuyên bố ông Nguyễn Xuân T mất tích.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà C đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Ch được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà C và ông T không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Xuân T hiện nay đã mất tích, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để trường hợp ông T quay về biết để lên tham gia tố tụng nhưng không có mặt tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn cũng như không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Xuân T vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Bà C và ông T không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc hôn nhân đối với ông Nguyễn Xuân T, đơn khởi kiện của bà C được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Xuân T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/8/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn bà C xác định trong cuộc sống hôn nhân do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được và ông T đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 02/2016 đến nay không có tin tức gì, hiện nay đã mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 18/2022/QĐST ngày 23/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị C thuộc diện hộ nghèo, được miễn nộp tiền án phí LH-ST.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Xuân T.

[2]. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C thuộc diện hộ nghèo, được miễn nộp tiền án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã S, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Trí Lý